

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa :

Nguyên đơn: - Chị Uông Diệu L, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: khu tập thể H, số 190 L, phường Đ, quận H, thành phố H.

Bị đơn: - Anh Đỗ Hoàng G, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Tập thể X, phường G, quận B, thành phố H.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 55, 58, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Uông Diệu L và anh Đỗ Hoàng G.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Uông Diệu L và anh Đỗ Hoàng G kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 17, quyển số I/2008 ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H.

2.2. Về nuôi con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hoàng Khánh L (nữ) sinh ngày 26/10/2008 và cháu Đỗ Hoàng Nam A (nam) sinh ngày 14/9/2014. Ly hôn giao cháu Đỗ Hoàng Khánh L cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Hoàng Nam A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.4. Về nhà ở: Anh chị không có nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.6. Về án phí ly hôn: Chị L tự nguyện chịu cả 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số AA/2019/0001110 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình. Chị L đã nộp đủ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Uông Diệu L số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình ;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình;*
- *UBND phường G, quận B, thành phố H.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP/TA.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGÔ THỊ VÂN